

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN
KHẢI HOÀN LAND**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 23

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khải Hoàn	Chủ tịch
Ông Võ Công Sơn	Thành viên
Bà Đinh Thị Nhật Hạnh	Thành viên

Tổng Giám đốc

Bà Đinh Thị Nhật Hạnh Tổng Giám đốc - đại diện pháp luật

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Đinh Thị Nhật Hạnh

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh

Ngày 01 tháng 07 năm 2020

Số: 103/2020/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Bà Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 01 tháng 07 năm 2020, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Bình Minh
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHNKT 0034-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2020



Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHNKT 1396-2018-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B01 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		668.970.368.279	681.607.950.949
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.293.115.973	24.860.192.738
1. Tiền	111	5	19.293.115.973	24.860.192.738
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		649.130.332.629	655.732.218.850
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.162.340.265	11.370.244.965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	599.206.686.754	640.441.316.842
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	36.761.305.610	3.920.657.043
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		546.919.677	1.015.539.361
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	545.527.677	756.719.526
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.392.000	258.819.835
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		730.775.484.255	732.199.237.800
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		516.656.437.000	517.425.101.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	516.656.437.000	517.425.101.000
II. Tài sản cố định	220		72.730.052	618.419.330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	11.281.302	483.232.080
- Nguyên giá	222		2.985.914.820	2.985.914.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.974.633.518)	(2.502.682.740)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	61.448.750	135.187.250
- Nguyên giá	228		221.215.500	221.215.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159.766.750)	(86.028.250)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		213.726.643.054	213.639.826.854
1. Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		599.989.498	599.989.498
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	213.126.653.556	213.039.837.356
IV. Tài sản dài hạn khác	260		319.674.149	515.890.616
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	319.674.149	515.890.616
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.399.745.852.534	1.413.807.188.749

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B01 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		138.376.874.709	162.593.853.262
I. Nợ ngắn hạn	310		109.176.874.709	151.593.853.262
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	406.297.636	2.542.480.076
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	59.529.948.562	72.269.090
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	7.132.494.924	8.817.438.496
4. Phải trả người lao động	314		8.728.678.479	4.029.256.210
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	18.711.269.101	17.621.455.058
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	14.668.186.007	118.510.954.332
II. Nợ dài hạn	330		29.200.000.000	11.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	11.000.000.000	11.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	18.200.000.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.261.368.977.825	1.251.213.335.487
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.261.368.977.825	1.251.213.335.487
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.368.977.825	51.213.335.487
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		51.213.335.487	34.780.127.850
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.155.642.338	16.433.207.637
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.399.745.852.534	1.413.807.188.749

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2020

Người lập



Khu Việt Nghĩa

Kế toán trưởng



Phùng Quang Hải



Tổng Giám đốc

Đinh Thị Nhật Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU SỐ B02 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	136.649.941.164	171.055.143.863
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		136.649.941.164	171.055.143.863
4. Giá vốn hàng bán	11	21	89.144.410.598	95.549.786.068
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.505.530.566	75.505.357.795
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	25.272.978.518	12.671.817
7. Chi phí tài chính	22	23	910.202.719	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		546.202.719	-
8. Chi phí bán hàng	25	24	35.141.663.442	26.157.224.175
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	22.384.068.396	21.775.955.464
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.342.574.527	27.584.849.973
11. Thu nhập khác	31	26	20.299.131	1.024.899.885
12. Chi phí khác	32	27	982.473.603	6.093.280.696
13. Lợi nhuận khác	40		(962.174.472)	(5.068.380.811)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.380.400.055	22.516.469.162
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.224.757.717	6.083.261.525
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.155.642.338	16.433.207.637
18. <i>Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</i>	61		10.155.642.338	16.433.207.637
19. <i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	62		-	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		85	137

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2020

Người lập



Khu Việt Nghĩa

Kế toán trưởng



Phùng Quang Hải



Đình Thị Nhật Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU SỐ B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.380.400.055	22.516.469.162
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	545.689.278	856.266.553
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25.272.978.518)	(12.671.817)
- Chi phí lãi vay	06	546.202.719	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.800.686.466)	23.360.063.898
- Tăng các khoản phải thu	09	31.515.478.056	(74.057.279.406)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	76.257.455
- Tăng, giảm khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(39.558.474.745)	91.414.159.604
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	407.408.316	(118.010.865)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(546.202.719)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.083.261.525)	(3.937.023.670)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.065.739.083)	36.738.167.016
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(86.816.200)	(379.443.955.773)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	281.000.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	80.172.940.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.385.478.518	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.298.662.318	(18.271.015.773)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	18.200.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	18.200.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.567.076.765)	18.467.151.243
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.860.192.738	6.393.041.495
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	19.293.115.973	24.860.192.738

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Khu Việt Nghĩa

Phùng Quang Hải

Đinh Thị Nhật Hạnh

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Nguyễn Khải Hoàn) (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309139261 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 21/08/2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 17 vốn điều lệ của Công ty là 1.200.000.000.000 VND, được chia thành 120.000.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 878 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 595).

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất; xây dựng nhà các loại; chuẩn bị mặt bằng; dịch vụ khách sạn đạt tiêu chuẩn trên ba sao (không hoạt động tại trụ sở); đại lý du lịch; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; quảng cáo; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; điều hành tour du lịch; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; hoạt động thiết kế dân dụng; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; giáo dục nghề nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là tư vấn, môi giới bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	<u>Thành lập</u> <u>và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ</u> <u>Sở hữu</u>	<u>Quyền</u> <u>biểu quyết</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH Đầu tư địa ốc An-pha	TP HCM	100%	100%	Kinh doanh - môi giới BĐS
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh Địa ốc An Thịnh Phát	TP HCM	100%	100%	Kinh doanh - môi giới BĐS

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các chi nhánh, văn phòng đại diện như sau:

STT	Loại hình	Tên rút gọn	Địa chỉ
1	Chi nhánh	Đà Nẵng	117 Nguyễn Tất Thành, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
2	Chi nhánh	Sàn Kim Sơn	Lô B8-B9 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
3	Chi nhánh	Sàn Mỹ Toàn 1	Số 1479 Nguyễn Văn Linh, Khu phố Mỹ Toàn 1 - H3, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

4	Văn phòng đại diện	Sàn Mỹ Toàn 3	970 Nguyễn Văn Linh, Khu Mỹ Toàn 3, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
5	Chi nhánh	Sàn Thủ Thiêm	Số 288 Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
6	Chi nhánh	Nguyễn Hữu Cảnh 2	11C Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
7	Văn phòng đại diện	Dragon Park 2	DP-03 Dragon Parc 2, Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
8	Chi nhánh	Him Lam	Lô B10-B11, Khu dân cư Kim Sơn, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
9	Chi nhánh	Sala	SH5-7, Số 75 Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
10	Chi nhánh	Nguyễn Hữu Cảnh 1	Lake View I, Căn LV1-A106 + LV1-A206, 63 Phường An Khánh, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
11	Chi nhánh	SGpearl	Căn S-16, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 202/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông

không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc

- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải

trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về các khoản chi phí thực tế phải trả, số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận

trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	5.258.789.912	3.693.157.217
Tiền gửi ngân hàng	14.034.326.061	21.167.035.521
Cộng	19.293.115.973	24.860.192.738

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH RIVIERA POINT	3.680.924.775	3.344.291.200
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Phát triển Thiên Niên Kỳ	-	6.266.582.295
Công ty TNHH Bất Động Sản NEWVISION	1.942.993.043	-
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn SUNSHINE Sài Gòn	5.801.452.530	-
Phải thu các khách hàng khác	1.736.969.917	1.759.371.470
Cộng	13.162.340.265	11.370.244.965

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Xây Dựng Phú Mỹ	822.800.000	822.800.000
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Phú Quốc	263.700.000	263.700.000
Công ty TNHH Xây Dựng Việt Nhật DAIKI (*)	258.500.000.000	258.500.000.000
Ông Lê Ngọc Chung (**)	332.405.328.500	379.405.328.500
Công ty TNHH liên minh thiết kế Quốc Tế FINKO	900.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Khải Minh Land	5.200.000.000	-
Các đối tượng khác	1.114.858.254	549.488.342
Cộng	599.206.686.754	640.441.316.842

(*) Khoản ứng trước cho Công ty TNHH Xây dựng Việt Nhật Daiki theo Hợp đồng tổng thầu dự án “Khu du lịch sinh thái tại bãi Ông Lang, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc” (hay còn gọi là “Dự án Helios Coastal City”). Theo đó, Công ty TNHH Xây dựng Việt Nhật Daiki sẽ thực hiện các công việc: tư vấn khảo sát, thực hiện báo cáo nghiên cứu khả thi, tư vấn thiết kế và thi công xây dựng cơ sở hạ tầng của Dự án này. Dự án triển khai trên diện tích khoảng 54,48 ha với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 3.000 tỷ đồng; Dự án đã nhận được Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, thời gian thực hiện dự án là 70 năm. Hiện nay, Công ty đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để tiến hành công tác đền bù giải phóng mặt bằng cho dự án này.

(**) Số dư khoản ứng trước cho Ông Lê Ngọc Chung - Trưởng phòng phát triển Dự án để thực hiện theo ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty, việc thương thảo, thanh toán và các thủ tục cần thiết với các bên có liên quan để phát triển quỹ đất theo chiến lược kinh doanh của Công ty. Đây là hoạt động kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thông thường của Khải Hoàn Land theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 15/08/2018 của Hội đồng quản trị. Bất động sản ông Lê Ngọc Chung đang thu gom theo ủy quyền của Công ty là quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất tại quận Long Biên, Hà Nội, bao gồm 41 lô đất có tổng diện tích là 3.586,62 m2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và ông Lê Ngọc Chung đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất theo đúng qui định của pháp luật.

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	36.761.305.610	-	3.920.657.043	-
Tạm ứng	10.716.368.041	-	3.018.239.961	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	2.050.000.000	-	800.000.000	-
Phải thu lãi cho vay (b)	23.887.500.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	107.437.569	-	102.417.082	-
Dài hạn	516.656.437.000	-	517.425.101.000	-
Ký quỹ thực hiện dự án (a)	21.500.000.000	-	21.500.000.000	-
Ký quỹ môi giới bất động sản	3.100.000.000	-	3.600.000.000	-
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	2.036.437.000	-	2.310.101.000	-
CTCP Tập đoàn Khải Hoàn (b)	490.000.000.000	-	490.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	20.000.000	-	15.000.000	-
Cộng	553.417.742.610	-	521.345.758.043	-

(a) Khoản ký quỹ dự án Helios Coastal City Phú Quốc (xem thêm tại Thuyết minh số 7) theo Hợp đồng tiền gửi ký quỹ có kỳ hạn số 03-BQLKKTTPQ.KHL.BIDV/2018/HĐTG ký ngày 30/05/2018 giữa 3 bên là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc, Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc và Công ty Cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land. Hợp đồng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,4%/năm và tự động gia hạn khi đáo hạn.

(b) Công ty TNHH Tập đoàn Khải Hoàn – Vũng Tàu (Khải Hoàn - Vũng Tàu Group - bên liên quan) và Công ty cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land (Khải Hoàn Land) đã ký hợp đồng vay vốn trung và dài hạn với mục đích tài trợ vốn cho Dự án Khu đô thị mới Gò Găng tại Thành phố Vũng Tàu. Theo đó số tiền vay vốn là 490 tỷ đồng, thời gian vay là 12 tháng và sẽ tiếp tục được gia hạn theo thỏa thuận giữa hai bên, lãi suất vay là 6%/năm áp dụng trong suốt thời gian vay và trả vào cuối kỳ. Lợi ích của Khải Hoàn Land từ việc cho vay này là sau khi Khải Hoàn - Vũng Tàu Group hoàn tất các điều kiện pháp lý tiên quyết của Dự án, Khải Hoàn Land sẽ được quyền quyết định tham gia hợp tác đầu tư phát triển Tiểu khu 2 của Dự án với tỷ lệ tham gia của Khải Hoàn Land tối đa là 51%. Quy mô dự án 1.524 hecta, tổng mức đầu tư của Dự án dự kiến khoảng 45.000 tỷ đồng được triển khai thành 5 giai đoạn từ 2018 đến 2034.

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/03/2019, hai bên thống nhất không tính lãi vay cho giai đoạn từ ngày ký hợp đồng vay vốn (ngày 10/12/2017) đến thời điểm ngày 31/03/2019. Số tiền lãi vay phát sinh từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/12/2019 là 23.887.500.000 đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	545.527.677	756.719.526
Công cụ, dụng cụ	485.527.677	756.719.526
Tiền thuê nhà	60.000.000	-
Dài hạn	319.674.149	515.890.616
Công cụ, dụng cụ	218.354.639	515.890.616
Chi phí sửa chữa văn phòng	101.319.510	-
Cộng	865.201.826	1.272.610.142

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Thiết bị văn phòng</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	2.985.914.820
Tại ngày 31/12/2019	<u>2.985.914.820</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	2.502.682.740
Khấu hao trong năm	471.950.778
Tại ngày 31/12/2019	<u>2.974.633.518</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	<u>483.232.080</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u><u>11.281.302</u></u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm kế toán</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	221.215.500
Tại ngày 31/12/2019	<u>221.215.500</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	86.028.250
Khấu hao trong năm	73.738.500
Tại ngày 31/12/2019	<u>159.766.750</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	<u>135.187.250</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u><u>61.448.750</u></u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Nhà mẫu La Partenza	1.079.153.556	1.039.837.356
Chi phí thiết kế website Công ty	47.500.000	-
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	212.000.000.000	212.000.000.000
Cộng	<u><u>213.126.653.556</u></u>	<u><u>213.039.837.356</u></u>

Chi phí phát sinh cho việc nhận chuyển nhượng (i) Lô đất 4.278 m² đất tại Xã Tiến Lợi - TP Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận với giá chuyển nhượng 92 tỷ đồng và (ii) Lô đất 22.575 m² đất tại Xã An Thạnh - Huyện Bến Lức - Tỉnh Long An với giá trị chuyển nhượng là 120 tỷ đồng. Hiện các lô đất này đang đứng tên Bà Trần Thị Thu Hương (bên liên quan) và Bà Đinh Thị Nhật Hạnh (Tổng Giám đốc) theo ủy quyền của Hội đồng quản trị. Đây là khoản Công ty mẹ đầu tư vào hai công ty con để đầu tư, phát triển kinh doanh các dự án bất động sản. Các Công ty con đều trong giai đoạn mới đi vào hoạt động và đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến cấp quyền sử dụng đất và công tác chuẩn bị đầu tư dự án.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.903.770.346	12.310.356.497	11.447.875.517	2.766.251.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.256.499.875	3.224.757.717	6.083.261.525	3.397.996.067
Thuế thu nhập cá nhân	496.251.755	9.129.565.948	8.669.135.059	956.682.644
Các loại thuế khác	160.916.520	322.476.333	471.827.966	11.564.887
Cộng	8.817.438.496	24.987.156.495	26.672.100.067	7.132.494.924

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP BĐS Khải Hoàn Land- Mỹ Hưng		-	1.983.215.525	1.983.215.525
Công ty TNHH Mô Hình Xanh	280.000.000	280.000.000	280.000.000	280.000.000
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh Bất động sản Shiny	86.404.116	86.404.116	-	-
Các đối tượng khác	39.893.520	39.893.520	279.264.551	279.264.551
Cộng	406.297.636	406.297.636	2.542.480.076	2.542.480.076

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí môi giới bất động sản	18.711.269.101	17.621.455.058
Cộng	18.711.269.101	17.621.455.058

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP Bất động sản Khải Minh Land (*)	59.354.960.471	-
Công ty TNHH Dịch Vụ phần mềm vi tính SUPER REAL TECHNOLOGIES	100.000.000	-
Các khách hàng khác	74.988.091	72.269.090
Cộng	59.529.948.562	72.269.090

(*): Khoản trả trước theo các Hợp đồng dịch vụ môi giới đã ký giữa Khải Hoàn Land và Khải Minh Land nhằm phân phối các dự án do Khải Minh Land thực hiện phân phối độc quyền.

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	14.668.186.007	118.510.954.332
Thu hộ tiền đặt cọc từ người mua bất động sản	4.346.701.273	116.525.137.320
- VinCity	292.591.050	44.260.914.220
- Biệt thự Casino Phú Quốc	980.087.575	13.600.800.000
- GS Metrocity (Nam Sài Gòn - Nhà Bè)	-	49.450.001.100
- Condotel Hòn Tre - Nha Trang Vinpearl	599.989.000	6.499.989.000
- Sunshine Diamond River Quận 7	1.017.500.000	-
- Các dự án khác	1.456.533.648	2.713.433.000
Bảo hiểm xã hội	-	64.279.863
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.321.484.734	1.921.537.149
Dài hạn	11.000.000.000	11.000.000.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	11.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	25.668.186.007	129.510.954.332

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%/năm	Năm	VND	%/năm	Năm
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	18.200.000.000	11%	3	-	-	-
Cộng	18.200.000.000	11%	3	-	-	-

Chi tiết trái phiếu đã phát hành của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Trái phiếu	Loại trái phiếu	Số lượng TP	Mệnh giá	Lãi suất	Thời hạn trái phiếu	Tài sản đảm bảo
Trái phiếu KHL08202 2-01 ngày 30/7/2019	Trái phiếu doanh nghiệp không có quyền chuyển đổi	147	100 triệu	11%/năm	Kỳ hạn 36 tháng và thanh toán lãi 3 tháng/lần	Không có tài sản đảm bảo
Trái phiếu KHL08202 2-01 ngày 30/9/2019	Trái phiếu doanh nghiệp không có quyền chuyển đổi	35	100 triệu	11%/năm	Kỳ hạn 36 tháng và thanh toán lãi 3 tháng/lần	Không có tài sản đảm bảo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn Điều lệ VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	1.200.000.000.000	34.607.187.850	1.234.607.187.850
Lợi nhuận trong năm	-	16.433.207.637	16.433.207.637
Điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	172.940.000	172.940.000
Tại ngày 31/12/2018	1.200.000.000.000	51.213.335.487	1.251.213.335.487
Lợi nhuận trong năm	-	10.155.642.338	10.155.642.338
Tại ngày 31/12/2019	1.200.000.000.000	61.368.977.825	1.261.368.977.825

Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ	Giá trị VND	Tỷ lệ	Giá trị VND
Công ty TNHH Tập đoàn Khải Hoàn - Vũng Tàu	33,04%	396.480.000.000	33,04%	396.480.000.000
Ông Nguyễn Khải Hoàn	59,13%	709.520.000.000	59,13%	709.520.000.000
Bà Trần Thị Thu Hương	4,50%	54.000.000.000	4,50%	54.000.000.000
Ông Nguyễn Thế Khoa	1,67%	20.000.000.000	1,67%	20.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thúy	1,67%	20.000.000.000	1,67%	20.000.000.000
Cộng	100%	1.200.000.000.000	100%	1.200.000.000.000

Cổ phần

	31/12/2019 Cổ phần	01/01/2019 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu dịch vụ môi giới bất động sản	136.649.941.164	170.979.699.863
Doanh thu dịch vụ khác	-	75.444.000
Cộng	136.649.941.164	171.055.143.863

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ môi giới bất động sản	89.144.410.598	95.473.528.613
Giá vốn dịch vụ khác	-	76.257.455
Cộng	89.144.410.598	95.549.786.068

Chi tiết giá vốn theo nội dung chi phí

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Hoa hồng cho Nhân viên	82.288.364.257	75.362.761.727
Hoa hồng cho Người mua	3.434.405.736	10.048.255.860
Hoa hồng cho cộng tác viên	1.097.932.764	3.825.657.707
Hoa hồng cho Công ty liên kết	2.323.707.841	6.236.853.319
Giá vốn Voucher bán cho khách hàng	-	76.257.455
Cộng	89.144.410.598	95.549.786.068

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.385.478.518	12.671.817
Lãi cho vay	23.887.500.000	-
Cộng	25.272.978.518	12.671.817

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	546.202.719	-
Phí tư vấn phát hành trái phiếu	364.000.000	-
Cộng	910.202.719	-

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	18.322.135.538	13.009.085.894
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	904.252.124	633.102.575
Chi phí tổ chức sự kiện, quảng cáo, marketing	1.025.740.695	370.195.917
Chi phí thuê nhà, thuê văn phòng	9.283.118.210	7.677.337.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.557.476.896	2.612.930.814
Chi phí bằng tiền khác	2.048.939.979	1.854.571.018
Cộng	35.141.663.442	26.157.224.175

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	16.883.514.901	15.926.552.986
Chi phí đồ dùng văn phòng	656.964.734	743.882.419
Chi phí khấu hao tài sản cố định	545.689.278	856.266.553
Thuế, phí lệ phí	25.000.000	22.000.000
Chi phí thuê văn phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.260.727.678	3.331.597.681
Chi phí bằng tiền khác	1.012.171.805	895.655.825
Cộng	22.384.068.396	21.775.955.464

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thanh lý công cụ dụng cụ	16.700.000	-
Các khoản thu nhập khác	3.599.131	1.024.899.885
Cộng	20.299.131	1.024.899.885

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí phạt hành chính, truy thu thuế	316.476.333	5.621.466.387
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	279.900.000	-
Các khoản chi phí khác	386.097.270	471.814.309
Cộng	982.473.603	6.093.280.696

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	1.561.216.858	1.376.984.994
Chi phí nhân công	124.350.061.037	124.409.167.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	545.689.278	856.266.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.152.063.479	14.090.319.824
Chi phí khác	3.061.111.784	2.750.226.843
Cộng	146.670.142.436	143.482.965.707

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	9.283.118.210	7.677.337.957

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang liên quan đến các khoản thuê nhà làm văn phòng của các chi nhánh và văn phòng đại diện với lịch thanh toán dự kiến như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.018.903.250	8.332.788.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	15.188.513.077	20.580.079.786
Sau năm năm	156.900.000	3.737.177.487
Cộng	21.364.316.327	32.650.045.273

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tập đoàn Khải Hoàn - Vũng Tàu	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Khải Hoàn	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Thu Hương	Vợ ông Nguyễn Khải Hoàn
Bà Nguyễn Thị Lệ Thúy	Chị gái ông Nguyễn Khải Hoàn

Ngoài các giao dịch và số dư với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch và số dư khác với các bên liên quan như sau:

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu khác		
Bà Nguyễn Thị Lệ Thúy	8.013.954.857	184.496.808
Bà Trần Thị Thu Hương	418.137.303	272.983.871
Phải trả ngắn hạn khác		
Bà Trần Thị Thu Hương	6.070.698	6.070.698

Thu nhập của Tổng Giám Đốc và thù lao của Hội đồng quản trị

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lương và thưởng	668.136.239	602.370.251

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Trong quý 1 năm 2020, Công ty tiếp tục phát hành 200 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 36 tháng. Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo đảm bằng tài sản. Trái phiếu trả lãi 3 tháng/lần bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của trái chủ. Lãi suất áp dụng cho 4 kỳ đầu tiên là 11,5%/năm, từ kỳ thứ 5 trở đi lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiết kiệm thường áp dụng cho cá nhân, kỳ hạn 12 tháng, lãi trả cuối kỳ do Ngân hàng TMCP Tiên phong công bố cộng biên độ 4%/năm nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn 11,5%/năm.

Ngoài sự kiện kể trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Khu Việt Nghĩa

Phùng Quang Hải

Đình Thị Nhật Hạnh